

Số: 04/2023/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 06 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 1277/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

1. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn/m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu phí (đồng)
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	7.500
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	6.750

4	Đá làm fluorit	m ³	4.500
5	Các loại cát khác	m ³	6.000
6	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	3.000
7	Đô lômit (dolomit), quắc-zit (quartzit)	m ³	45.000
8	Than gồm: Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò; Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên; Than nâu, than mỡ; Than khác	tấn	10.000
9	Các khoáng sản không kim loại khác	tấn	30.000

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản bằng 60% (sáu mươi phần trăm) mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Khoá XIX, Kỳ họp thứ mười ba (Kỳ họp thường lệ) thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: TC, TN và MT;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ ĐB, ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, KBNN tỉnh Hà Nam;
- TTHĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Hoàng